

HOSE 02/10/2014

VNINDEX	612.66	3.39	0.56%
KLGD	180,214,921	CP	
GTGD	3,256.20	Tỷ	
GTR NDTNN	78.62	Tỷ	

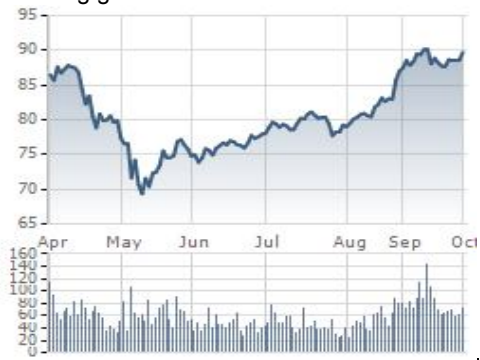
CP Tăng giá	126	CP
CP Giảm giá	86	CP
CP Đứng giá	92	CP



HNX 02/10/2014

HNXINDEX	90.26	0.53	0.59%
KLGD	103,195,322	CP	
GTGD	1,367.98	Tỷ	
GTR NDTNN	8.15	Tỷ	

CP Tăng giá	110	CP
CP Giảm giá	89	CP
CP Đứng giá	180	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	659.64	4.58	0.70%
HNX30	185.36	1.49	0.81%

Tâm điểm

- ▶ **Dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực**
- ▶ **Thanh khoản thị trường có sự gia tăng**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4,500 tỷ đồng
- ▶ **Chỉ số tồn kho công nghiệp tăng 11.6%**
Theo báo cáo về tình hình kinh tế xã hội 9 tháng năm 2014 của Tổng cục thống kê Infonet
- ▶ **Dự báo lạm phát cả năm ở khoảng 3% - 4%**
Điều này tạo điều kiện giảm mật bằng lãi suất VTV
- ▶ **Mỹ: Lĩnh vực sản xuất tăng trưởng chậm trong tháng 9**
Chỉ số PMI sản xuất chính thức của Mỹ giảm xuống 57.5 điểm trong tháng 9 DVO/ Reuters
- ▶ **KBC: Lấy ý kiến phát hành 1,200 trái phiếu và 120 triệu cp tái cấu trúc vay nợ**
Mục đích nhằm tái cấu trúc lại các khoản vay và bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Vietstock
- ▶ **FCN: Dự kiến chi hơn 200 tỷ đồng góp vốn vào 3 doanh nghiệp**
FCN dự kiến chi thêm hơn 200 tỷ đồng vào công ty con và công ty liên kết Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,089,738	15.2	3.2	19.5%	10.6%
HNX	146,726	14.9	1.8	9.0%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,236,464	17.0	3.2	18.8%	10.0%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,567	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,127	9.2	1.5	16.5%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	38,892	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng	12,408	67.3	5.5	0.3%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,855	16.1	1.4	11.4%	7.5%
Xây dựng	33,478	39.3	1.4	-2.3%	2.0%
Máy công nghiệp	9,307	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,356	9.0	1.6	18.9%	13.6%
Lốp xe	8,880	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,102	12.1	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	198,635	24.2	4.8	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,363	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Phần mềm	18,698	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,849	-	6.1	-14.4%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,436	17.4	5.7	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,423	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,510	14.9	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng	239,363	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	170,028	17.3	2.8	20.8%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,622	11.8	2.6	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Chỉ số tồn kho công nghiệp tăng 11.6%

Theo báo cáo về tình hình kinh tế xã hội 9 tháng năm 2014 của Tổng cục thống kê, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 6.7% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8.3%; sản xuất và phân phối điện tăng 11.2%; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 6.0%; ngành khai thác tăng 0.4%. Bên cạnh đó, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/9/2014 tăng 11.6% so với cùng thời điểm năm 2013.

Dự báo lạm phát cả năm ở khoảng 3% - 4%

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia vừa công bố báo cáo tình hình kinh tế 9 tháng và tháng 9 năm 2014. Theo đó, lạm phát cơ bản vẫn trong xu hướng giảm, còn 3.12% trong tháng 9/2014 so với cùng kỳ năm trước. Nếu không có biến động lớn về giá các mặt hàng cơ bản, lạm phát cả năm 2014 chỉ trong khoảng 3% - 4%. Điều này tạo điều kiện giảm mật bằng lãi suất (LS). LS huy động tiền đồng kỳ hạn 6 tháng hiện đã giảm từ mức 7.1%/năm hồi đầu năm xuống còn 6.1%/năm; lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 3 năm cũng giảm từ mức 7%/năm xuống còn 5%/năm.

Mỹ: Lĩnh vực sản xuất tăng trưởng chậm trong tháng 9

Theo báo cáo của Markit, chỉ số PMI sản xuất chính thức của Mỹ giảm xuống 57.5 điểm trong tháng 9. Trước đó, báo cáo sơ bộ cho biết, PMI sản xuất tháng 9 không đổi so với tháng 8, duy trì ở 57.9 điểm. Lĩnh vực sản xuất tại Mỹ tăng chậm lại trong tháng 9 là do sản lượng sản xuất và số đơn hàng mới giảm mạnh. Trong đó, chỉ số đo lường sản lượng sản xuất giảm xuống 59.6 điểm và chỉ số đo lường đơn hàng mới giảm xuống 60 điểm so với tháng 8. Trong những tháng gần đây, kinh tế Mỹ chứng kiến sự khởi sắc của hoạt động xuất khẩu. Điều này chứng tỏ thương mại sẽ là một trong những động lực chính thúc đẩy kinh tế Mỹ tăng trưởng trong quý 3. Một số chuyên gia dự báo, GDP của Mỹ sẽ tăng trưởng ít nhất 3% trong quý trước.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

KBC: Lấy ý kiến phát hành 1,200 trái phiếu và 120 triệu cp tái cấu trúc vay nợ

Tổng CTCP Phát triển Đô Thị Kinh Bắc (HOSE: KBC) vừa có thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chào bán riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu. Theo đó, KBC sẽ phát hành 1,200 trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ đồng, tương ứng tổng giá trị 1,200 tỷ đồng. Trái phiếu có kỳ hạn trong khoảng từ 3-5 năm với lãi suất tối đa không quá 12%/năm. Trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần trong thời hạn chuyển đổi theo giá chuyển đổi có hiệu lực tại ngày chuyển đổi. Giá chuyển đổi không thấp hơn 15,000 đồng/cp. Đồng thời, KBC cũng chào bán riêng lẻ khoảng 120 triệu cp cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc internet. Giá chào bán không thấp hơn 10,000 đồng/cp.

FCN: Dự kiến chi hơn 200 tỷ đồng góp vốn vào 3 doanh nghiệp

HĐQT CTCP Kỹ thuật Nền móng và công trình ngầm FECON (HOSE: FCN) vừa thông qua hàng loạt các khoản đầu tư góp vốn với số tiền khoảng hơn 200 tỷ đồng. Theo đó, FCN sẽ góp 51 tỷ đồng thành lập CTCP Xây dựng Công trình ngầm FECON (vốn điều lệ 100 tỷ đồng) và cử ông Nguyễn Chí Công làm người đại diện toàn bộ phần vốn góp của FCN. Bên cạnh đó, FCN dự kiến sẽ mua 14.76 triệu cổ phần của CTCP Đầu tư Hạ tầng FCC, tương ứng với 40% vốn điều lệ của đơn vị này. Được biết, tổng giá trị chuyển nhượng là 147.6 tỷ đồng. FCN cử ông Phạm Việt Khoa làm người đại diện toàn bộ phần vốn góp. Đồng thời, ban lãnh đạo FCN cho biết sẽ nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CTCP Khoáng sản FECON (HOSE: FCM) từ 35.67% lên 36%.

IDI: Phát hành 39.9 triệu cp tăng vốn lên 855 tỷ đồng

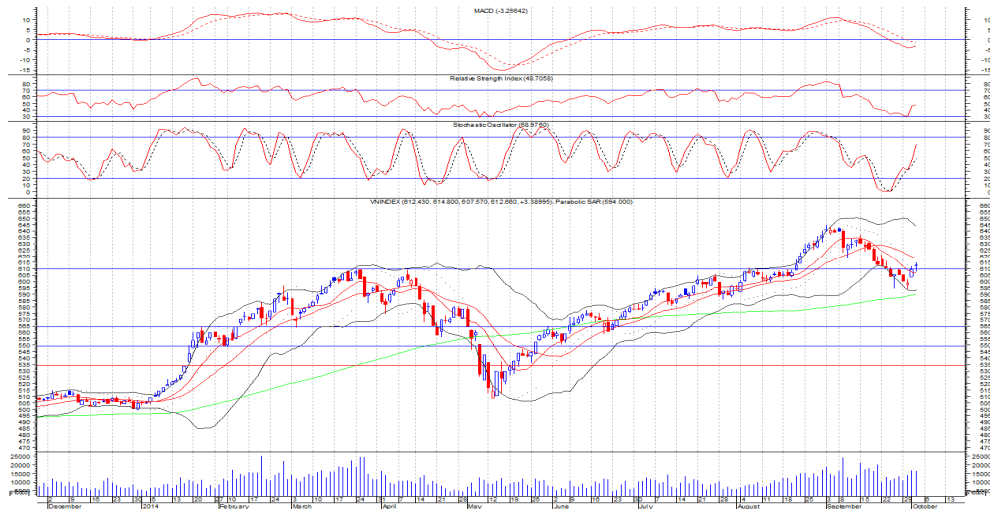
CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia I.D.I (HOSE: IDI) vừa công bố bản cáo bạch về việc phát hành 39.9 triệu cp để nâng vốn điều lệ lên 855 tỷ đồng. Trong đó IDI phát hành 38 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá 10,000 đồng/cp và theo tỷ lệ 6:5. Còn lại 1.9 triệu cổ phiếu sẽ được phát hành theo chương trình ESOP cũng với giá 10,000 đồng/cp. IDI đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN vào ngày 01/10/2014, dự kiến sẽ phát hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày này. CTCK MB (MBS) là đơn vị tư vấn cho IDI trong đợt phát hành này.

HOSE 02/10/2014 VNINDEX 612.66 3.39 0.56% 180,214,921 CP 3,256.20 bil VND

Dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực

VN-Index tăng 3.39 điểm (+0.56%), đóng cửa tại mức 612,66 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống nến Doji, VN-Index tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- MACD gia tăng trở lại, dù chưa cho tín hiệu mua nhưng đây là một dấu hiệu rất tích cực.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và sắp đi vào vùng quá mua..
- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm nếu lực cầu vẫn duy trì tốt.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	14,226,510
HAG	0.9 (3.5%)	10,880,080
OGC	0.7 (5.6%)	9,137,890
ITA	0 (0.0%)	7,811,130
KBC	0.6 (3.8%)	7,588,200

HOSE Top 5 theo % tăng

BSI	0.7 (7.0%)	646,310
APC	1.2 (7.0%)	294,700
HAI	2.8 (6.9%)	326,940
CLL	2.5 (6.9%)	169,940
SII	1.5 (6.9%)	160,830

HOSE Top 5 theo % giảm

SFC	-1.9 (-6.9%)	110
NHW	-0.9 (-6.9%)	10
KSH	-1.4 (-6.8%)	100,600
KAC	-0.9 (-6.4%)	570
STT	-0.3 (-6.0%)	6,010

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	90,5 tỷ	5,880,840
PVD	22,4 tỷ	221,510
VCB	10,5 tỷ	388,310
MWG	6,9 tỷ	40,530
HT1	6,5 tỷ	406,630

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-24,4 tỷ	223,410
VIC	-14,6 tỷ	297,360
VIP	-4,3 tỷ	272,440
VSH	-3,8 tỷ	263,000
JVC	-3,6 tỷ	219,120

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	5,385,740	78.62

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tiếp tục giao dịch rất tích cực, đà tăng lan rộng lên hầu hết các mã trên sàn. Dù lực cung khá lớn, nhưng cầu hấp thụ giá cao khá tốt.
- ▶ KLGD ở mức tương đương phiên hôm qua và đạt 165 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 78,62 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã KBC, PVD. Bán nhiều ở GAS, VIC.
- ▶ Ngưỡng kháng cự 610 điểm đã được kiểm chứng thành công. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua nếu thanh khoản vẫn gia tăng tốt, tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	108.0	204,660.00	17.9	5.9	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	108.0	108,012.81	17.5	5.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.4	73,021.56	15.3	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	49.0	69,595.25	14.5	4.0	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	-1,502.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	9.2	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	102.0	30,909.76	13.1	2.8	22.7%	10.7%
HPG	481.9	59.0	28,432.58	10.0	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	41.2	28,035.42	22.4	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

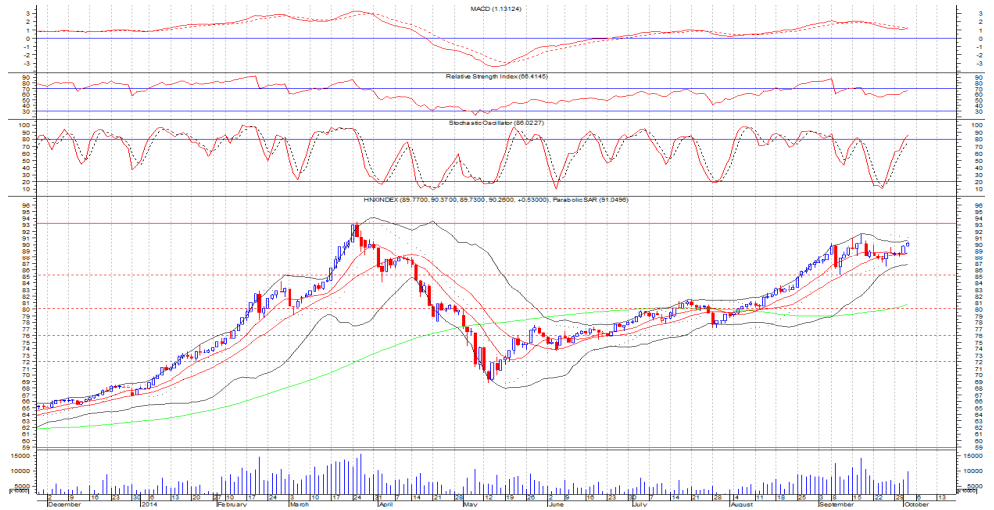
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.3	4,426.34	18.6	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	54.0	18,570.29	11.5	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.6	2,495.38	8.1	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	27.7	764.80	3.0	1.2	NA	TH.DOI

HNX 02/10/2014 HNX-Index 90.26 0.53 0.59% 103,195,322 CP 1,367.98 bil. VND

Dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 0.53 điểm (+0.59%), đóng cửa tại mốc 90.26 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, HNX-Index tiếp tục tăng điểm khá tích cực.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng trở lại và sắp cho tín hiệu mua.
- RSI (14) tăng lên mức 66.
- Đà tăng nếu tiếp tục được duy trì cùng sự gia tăng của thanh khoản là một tín hiệu tích cực cho thị trường ở những phiên tới.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.2 (-2.9%)	18,029,490
KLF	0 (0.0%)	10,341,100
KLS	0.3 (2.3%)	5,380,580
SHS	0.3 (2.3%)	4,776,510
SCR	0 (0.0%)	4,323,250

HNX Top 5 theo % tăng

BTH	0.6 (10.0%)	200
NDF	3.6 (10.0%)	441,300
PEN	1.3 (10.0%)	15,200
SDP	0.7 (10.0%)	334,220
TNG	1.9 (10.0%)	587,750

HNX Top 5 theo % giảm

SGH	-7.2 (-9.9%)	400
LCD	-1.5 (-9.9%)	100
KMT	-0.7 (-9.7%)	2,500
DNP	-1.8 (-9.7%)	159,600
VC1	-2.1 (-9.7%)	1,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	15,6 tỷ	370,600
BVS	0,9 tỷ	55,000
APS	0,6 tỷ	89,000
KTS	0,5 tỷ	31,400
TC6	0,2 tỷ	15,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-6,5 tỷ	380,400
DBC	-3,2 tỷ	109,000
TCT	-1,0 tỷ	6,400
LAS	-0,3 tỷ	9,000
SD9	-0,2 tỷ	15,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	111,389	8.15

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tiếp tục giao dịch rất tích cực, đà tăng lan rộng lên hầu hết các mã trên sàn. Dù lực cung khá lớn, nhưng cầu hấp thụ giá cao khá tốt.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 98 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng cùng với sự gia tăng của chỉ số là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 8,15 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, DBC. Trong khi mua nhiều ở PVS
- ▶ HNX-Index kiểm chứng thành công ngưỡng 90 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền hôm nay, chúng tôi tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua nếu thanh khoản vẫn gia tăng tốt, tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.0	18,761.42	10.5	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.8	6,537.32	11.0	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	83.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	14.1	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.2	1.1	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.7	2,680.00	2.2	3.7	-128.0%	-7.7%
LAS	77.8	34.2	2,661.85	6.8	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.4	1,383.20	8.9	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.5	653.40	6.4	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.9	1,689.98	15.3	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.4	1,720.00	10.6	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	6.9	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	69,595.25	15.75%	49.0	14.54	4.01	2,789,750	2,627,097	1,621,789
HPG	HOSE	481.9	28,432.58	13.53%	59.0	9.98	2.63	752,903	838,527	890,899
PVD	HOSE	303.0	30,909.76	11.69%	102.0	13.05	2.76	611,354	717,797	479,923
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	11.42%	82.0	#####	4.27	259,175	234,485	259,778
HAG	HOSE	789.9	20,853.34	8.11%	26.4	17.26	1.47	4,765,365	3,619,788	3,085,377
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.47%	19.1	7.91	1.28	839,398	607,748	395,339
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	5.75%	27.4	15.30	1.58	766,537	655,927	459,574
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.79%	31.0	9.18	1.30	1,153,562	1,329,831	1,193,247
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.96%	9.0	69.74	0.82	7,804,757	9,038,453	6,726,097
KBC	HOSE	389.8	6,470.02	2.57%	16.6	27.30	1.22	5,460,804	4,678,058	2,588,076
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	2.30%	41.2	22.44	2.35	523,580	333,860	211,740
HSG	HOSE	96.3	4,237.78	2.06%	44.0	13.12	1.80	146,923	194,735	170,232
GMD	HOSE	116.1	4,343.56	1.83%	37.4	8.39	0.88	1,622,836	1,140,893	544,085
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	1.68%	25.5	16.59	1.61	1,127,763	959,964	761,371
HVG	HOSE	132.0	4,105.19	1.56%	31.1	35.05	1.77	1,945,828	2,320,028	1,262,562
CSM	HOSE	67.3	3,135.81	1.50%	46.6	8.68	2.62	293,345	345,722	326,000
PVT	HOSE	255.9	4,426.34	1.48%	17.3	18.56	1.53	2,406,046	2,709,596	2,051,367
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.48%	61.5	13.75	3.73	283,231	248,685	233,490
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.31%	14.6	14.36	1.12	624,197	742,351	726,076
DIG	HOSE	178.7	2,752.65	1.01%	15.4	75.42	1.16	1,851,883	1,090,058	501,511
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	0.76%	13.1	45.77	1.18	4,155,856	3,949,118	2,629,489

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	69,595.25	8.28%	49.0	14.54	4.01	2,789,750	2,627,097	1,621,789
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.09%	82.0	#####	4.27	259,175	234,485	259,778
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	6.66%	27.4	15.30	1.58	766,537	655,927	459,574
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.34%	19.1	7.91	1.28	839,398	607,748	395,339
PVS	HNX	446.7	18,761.42	5.45%	42.0	10.45	2.22	5,164,071	5,138,632	3,773,027
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	4.54%	41.2	22.44	2.35	523,580	333,860	211,740
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.18%	31.0	9.18	1.30	1,153,562	1,329,831	1,193,247
PVD	HOSE	303.0	30,909.76	4.04%	102.0	13.05	2.76	611,354	717,797	479,923
HAG	HOSE	789.9	20,853.34	3.68%	26.4	17.26	1.47	4,765,365	3,619,788	3,085,377
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.96%	9.0	69.74	0.82	7,804,757	9,038,453	6,726,097
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	2.75%	25.5	16.59	1.61	1,127,763	959,964	761,371
FLC	HOSE	314.9	3,841.71	2.56%	12.2	8.39	1.04	17,590,879	19,748,153	16,908,297
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.54	0.76	5,035,225	5,597,599	4,872,576
VCG	HNX	441.7	6,537.32	2.03%	14.8	11.04	1.13	1,990,536	1,815,750	1,171,961
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	1.69%	13.1	45.77	1.18	4,155,856	3,949,118	2,629,489
PVT	HOSE	255.9	4,426.34	1.61%	17.3	18.56	1.53	2,406,046	2,709,596	2,051,367
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	0.95%	61.5	13.75	3.73	283,231	248,685	233,490
IJC	HOSE	274.2	3,838.72	0.62%	14.0	23.21	1.33	1,489,536	2,052,634	2,146,783
PVX	HNX	400.0	2,680.00	0.00%	6.7	- 2.23	3.72	10,233,063	11,314,953	8,857,430

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	69,595.25	0.00%	49.0	14.54	4.01	2,789,750	2,627,097	1,621,789
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	#####	4.27	259,175	234,485	259,778
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.18	1.30	1,153,562	1,329,831	1,193,247
HAG	HOSE	789.9	20,853.34	0.00%	26.4	17.26	1.47	4,765,365	3,619,788	3,085,377
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.00%	27.4	15.30	1.58	766,537	655,927	459,574
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.91	1.28	839,398	607,748	395,339
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	0.00%	41.2	22.44	2.35	523,580	333,860	211,740
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	9.20	1.00	388,733	373,434	364,522
GAS	HOSE	1,895.0	204,660.00	0.00%	108.0	17.85	5.85	486,181	364,599	337,455

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.88%	82.0	#####	4.27	259,175	234,485	259,778
VIC	HOSE	1,420.3	69,595.25	0.56%	49.0	14.54	4.01	2,789,750	2,627,097	1,621,789
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.91	1.28	839,398	607,748	395,339
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.24%	27.4	15.30	1.58	766,537	655,927	459,574
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.15%	31.0	9.18	1.30	1,153,562	1,329,831	1,193,247
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	0.08%	41.2	22.44	2.35	523,580	333,860	211,740

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,567	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,127	9.2	1.5	16.5%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,807	26.4	1.0	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	866	7.6	1.0	12.9%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,892	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,916	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,408	67.3	5.5	0.3%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,855	16.1	1.4	11.4%	7.5%
Xây dựng	33,478	39.3	1.4	-2.3%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,167	8.1	1.2	16.3%	8.4%
Công nghiệp phức hợp	993	8.2	2.0	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,363	6.8	1.0	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,895	19.3	1.1	1.4%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,307	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,780	3.4	1.2	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,356	9.0	1.6	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,288	8.1	1.6	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,753	11.8	2.0	15.6%	7.6%
Đào tạo & Việc làm	240	10.0	0.8	9.1%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	182	8.1	0.8	11.0%	4.5%
Chất thải & Môi trường	178	2.7	0.8	35.2%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,104	18.4	1.3	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,880	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,586	7.9	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	307	13.7	2.1	16.5%	10.3%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,102	12.1	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	198,635	24.2	4.8	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	83	20.9	1.0	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,551	8.6	1.3	14.6%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	649	51.2	1.6	2.8%	2.0%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,585	9.5	1.8	18.2%	7.2%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,708	10.6	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	738	8.2	1.1	-1.2%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,013	16.5	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		163	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		197	9.0	1.2	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,363	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		248	46.7	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		723	11.1	1.2	13.2%	7.8%
Phân phối hàng chuyên dụng		3,101	11.4	2.0	17.6%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,123	9.9	1.0	10.4%	7.3%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,737	73.5	2.6	2.9%	1.8%
Dịch vụ giải trí		3,633	15.7	1.4	13.3%	11.1%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,743	20.9	3.5	23.2%	20.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		728	17.4	0.9	5.6%	2.0%
Internet		318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,698	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		502	17.4	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		289	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		13,141	34.0	7.9	33.8%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,849	-	6.1	1.4	-14.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		213,436	17.4	5.7	33.0%	22.6%
Nước		1,291	6.9	1.2	17.1%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,357	7.8	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,879	12.3	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,884	9.2	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,423	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,915	47.2	1.3	2.7%	0.8%
Môi giới chứng khoán		29,510	14.9	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng						
Ngân hàng		239,363	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		170,028	17.3	2.8	20.8%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		52,622	11.8	2.6	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.